

VN-Index kết thúc tháng 8 tại 1.224 điểm, không tăng so với tháng 7. Diễn biến này đã chấm dứt mạch 4 tháng tăng điểm – có thể nói đây là khoảng thời gian mà hiệu ứng đảo chiều chính sách tiền tệ có tác động rõ rệt nhất lên thị trường chứng khoán. Giá trị giao dịch khớp lệnh sàn HSX tăng mạnh 34% so với tháng 7 với giá trị giao dịch bình quân đạt 20,5 nghìn tỷ đồng/phiên (+22% MoM), khi trong tháng có phiên giảm mạnh với giá trị khớp lệnh tăng vọt lên mức 35 nghìn tỷ. Kể từ thời điểm đó tới ngày 5/9, các chỉ số dần phục hồi: VN Midcap ghi nhận đà tăng tốt nhất (+11,1%) và vượt mức đỉnh trong tháng 8, theo sau là VN Smallcap (+6,4%), VN Index (+4,8%) và VN30 (+4,6%). Điểm tích cực là diễn biến giá này đi kèm với thanh khoản bình quân cải thiện trở lại trên 20 nghìn tỷ đồng/phiên. Điều này không chỉ phản ánh rằng một lượng lớn tiền đã chờ bắt đáy mà còn cho thấy dòng tiền duy trì được sức mua liên tục để giữ xu thế phục hồi sau đó.

Trong tháng 9, chúng tôi đánh giá các yếu tố nổi bật tác động tích cực đến thị trường có thể kể đến như: cuộc họp về các giải pháp nâng hạng TTCK và tiến độ triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, kỳ vọng mặt bằng lãi suất tiền gửi tiếp tục giảm, vĩ mô dần khởi sắc khi tăng trưởng tín dụng và hoạt động thương mại bắt đầu nhen nhóm những tín hiệu tốt. Ở chiều ngược lại, xu hướng bán ròng của khối ngoại có thể chưa chấm dứt có thể ảnh hưởng tới hiệu suất của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, một phần bị tác động bởi xu hướng mất giá của đồng VNĐ. Tuy nhiên, xu hướng này có thể không gây ra những ảnh hưởng quá tiêu cực tới TTCK do (1) yếu tố này đã được kỳ vọng khi SBV lựa chọn mạnh tay nới lỏng CSTT, và (2) tỷ lệ tham gia thị trường của NĐT tổ chức nước ngoài – nhóm NĐT có hành vi giao dịch liên quan tới tỷ giá – đang khá thấp, (3) PMI cải thiện lên mức 50.5 hàm ý hoạt động XNK cải thiện nhẹ, và thặng dư thương mại được duy trì.

Do đó, chúng tôi dự báo thị trường tiếp tục duy trì xu hướng tăng hỗ trợ bởi yếu tố dòng tiền với dao động trong vùng 1.210-1.280 điểm.

Triển vọng kinh doanh quý 3/2023, câu chuyện giải ngân đầu tư công và các gói tài khóa hỗ trợ kích cầu tiêu dùng sẽ là những dòng câu chuyện dẫn dắt cho sự sôi động luân phiên giữa các nhóm ngành và cổ phiếu. **Cổ phiếu ưa thích cho tháng Chín của chúng tôi bao gồm REE, PC1, MSN, VNM, VCB, ACB, BID, MBB, OCB, KDH, DBD, PGV, LHG, KBC, NTC và SIP.**



Ban Chiến lược

Nguyễn Thị Phương Lam

lam.ntp@vdsc.com.vn

Đỗ Thanh Tùng

tung.dt@vdsc.com.vn

Lê Tự Quốc Hưng

hung.ltq@vdsc.com.vn

Trần Thị Ngọc Hà

ha.ttn@vdsc.com.vn

NỘI DUNG

TT CHỨNG KHOÁN THÁNG TÁM: ĐÀ TĂNG ĐƯỢC CŨNG CỐ	3
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG CHÍN	11
CHIẾN LƯỢC VÀ Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ THÁNG CHÍN	13
DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM	16

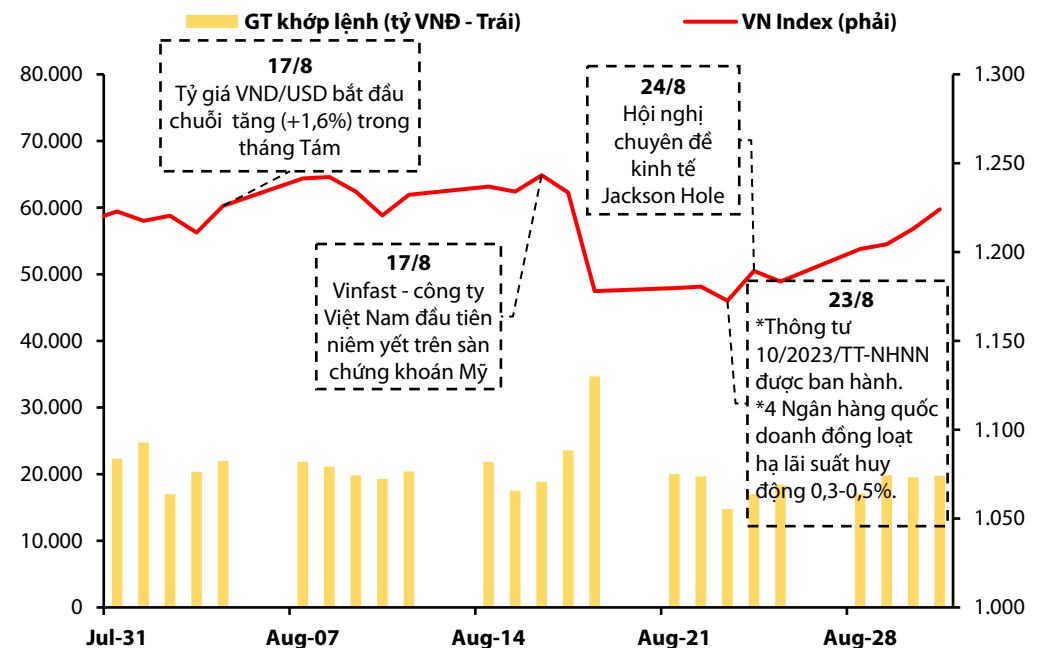
55 mã cổ phiếu được CTCK Rồng Việt nghiên cứu (tìm hiểu, trao đổi thông tin với doanh nghiệp) và có những phân tích, đánh giá cụ thể trong các “Báo cáo phân tích công ty” hoặc “Nhật ký chuyên viên” phát hành từ trước đến nay.

TT CHỨNG KHOÁN THÁNG TÁM: ĐÀ TĂNG ĐƯỢC CỨNG CỐ

Trong tháng Tám, thị trường chứng khoán toàn cầu chứng kiến nhiều biến động. Tại thị trường Mỹ và châu Âu, bất chấp thông điệp nhất quán của FED tại hội nghị Jackson Hole về mục tiêu lạm phát ở mức 2% và sẵn sàng tăng lãi suất nhằm ngăn chặn nguy cơ lạm phát tăng tốc trở lại, các dữ liệu mới nhất về lạm phát và việc làm cũng như các sự kiện: Fitch hạ xếp hạng trái phiếu chính phủ Hoa Kỳ và Moody's hạ xếp hạng tín dụng của các ngân hàng vừa và nhỏ, báo hiệu rằng nền kinh tế khó có thể tăng trưởng nóng trở lại. Điều này khiến nhà đầu tư kỳ vọng lãi suất đã đạt đỉnh và dòng tiền bắt đầu phân bổ trở lại thị trường chứng khoán, khiến các chỉ số phục hồi nhẹ vào cuối tháng. Ở chiều ngược lại, kỳ vọng về tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế Trung Quốc giảm sút và cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng trên thị trường bất động sản Trung Quốc, khi mà những cái tên nổi tiếng như Country Garden và China Evergrande lần lượt không thể hoàn thành nghĩa vụ nợ trái phiếu và bắt đầu thủ tục phá sản, đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng niềm tin của nhà đầu tư, dẫn đến việc thị trường chứng khoán Trung Quốc chứng kiến đợt sụt giảm mạnh nhất kể từ đầu năm.

Trong nước, thị trường chứng khoán cho thấy sự đồng pha với sự biến động của thị trường chứng khoán thế giới. Diễn biến tỷ giá VNĐ/USD tăng mạnh do áp lực từ kỳ vọng tăng lãi suất trong thông điệp của FED tại hội nghị Jackson Hole đã tác động tiêu cực đến tâm lý nhà đầu tư trong bối cảnh thị trường tăng điểm mạnh trong 3 tháng liên tiếp. Kết quả là thị trường chứng kiến sự sụt giảm mạnh nhất kể từ đầu năm ngay trước thời điểm diễn ra hội nghị. Sau đó, thị trường phục hồi và lấy lại toàn bộ hầu hết điểm số nhờ các thông tin hỗ trợ như: NHNN ban hành Thông tư 10 vào ngày 23/8, tạm dừng thực thi quy định cấm vay vốn theo Thông tư 06 để thanh toán góp vốn, giúp củng cố niềm tin thị trường. Cùng ngày, các ngân hàng quốc doanh cũng đồng loạt hạ lãi suất huy động ở nhiều kỳ hạn khác nhau và kỳ vọng về đỉnh lãi suất điều hành của các ngân hàng trung ương dường như là chắc chắn vì những lý do như đã đề cập ở trên.

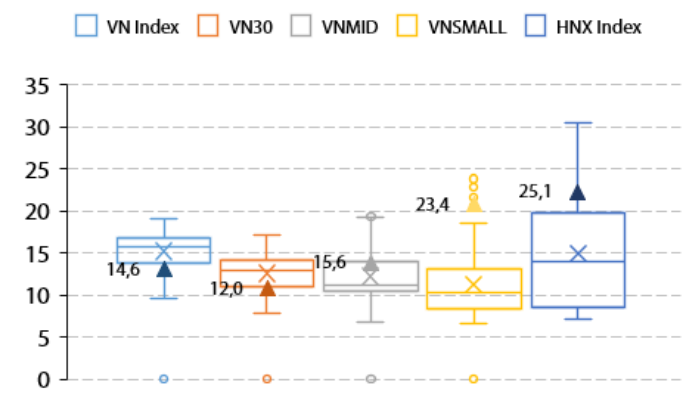
Hình 1: VN Index tháng 8/2023



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

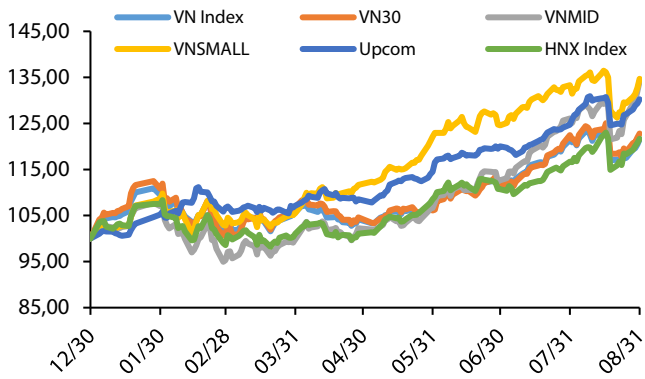
Tóm lại, VN Index đã lấy lại những gì đã mất và đóng cửa trong sắc xanh ở mức 1.222 (+0,09%). Tiếp nối đà phục hồi, chỉ số VNDMID (+6,43%) đã có sự bứt phá ngoạn mục để đánh bại các chỉ số khác kể từ khi toàn thị trường bắt đầu chạm đáy ngắn hạn. VN30 (+0,3%) ghi nhận mức tăng khiêm tốn nhưng vẫn vượt trội so với chỉ số chính.

Hình 2: Phân phối bội số P/E của các chỉ số (2018-2023) – sau phản ánh KQKD Q2/2023, VN Index và VN 30 vẫn ở mức hấp dẫn so với triển vọng thu nhập của chúng tôi và mức định giá trung bình trong 5 năm qua.



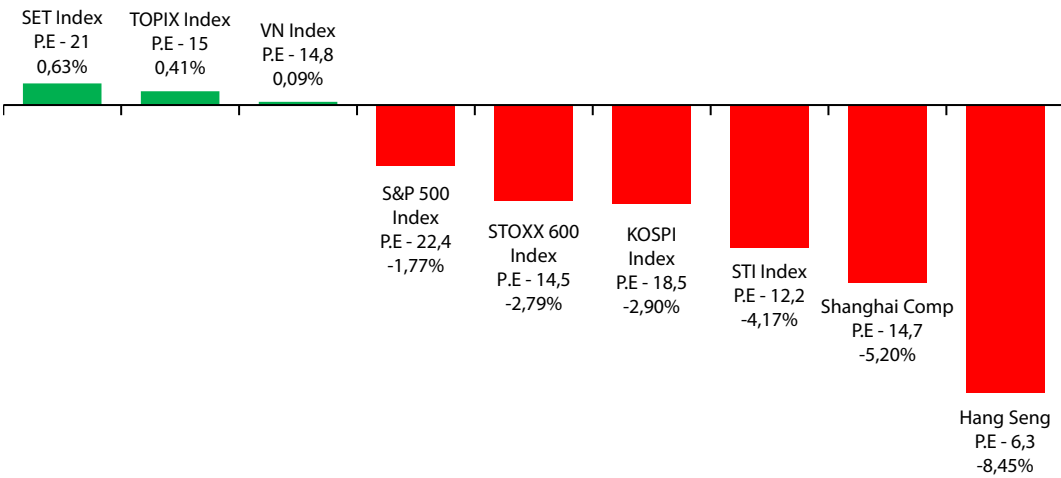
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt
X: P/E trung bình 5 năm
▲: P/E hiện tại (Tính đến ngày 31/08/2022)

Hình 3: Diễn biến các chỉ số chứng khoán từ đầu năm đến nay



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt

Hình 4: Lợi nhuận của các chỉ số toàn cầu trong tháng 8/2023 – VN Index vẫn giữ được sắc xanh sau đợt điều chỉnh mạnh và nằm trong nhóm dẫn đầu.



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt

Bảng 1: Thanh khoản hàng ngày trong 12 tháng qua (tỷ đồng) – Thanh khoản tiếp tục tăng hoa trên khắp các sàn với mức tăng ~25% MoM và là mức thanh khoản cao nhất trong 12 tháng qua.

	VN Index	VN30	VNMID	VNSMALL	Upcom	HNX Index
Thg8-23	20,474	7,816	9,319	2,205	936	2,066
Thg7-23	16,343	6,036	7,835	2,009	786	1,616
Thg6-23	15,110	5,378	7,233	1,975	744	1,740
Thg5-23	10,631	3,438	5,194	1,623	562	1,490
Thg4-23	9,764	3,502	4,573	1,459	427	1,252
Thg3-23	7,900	3,480	3,309	933	273	828
Thg2-23	8,520	3,570	3,519	1,175	391	1,038
Thg1-23	8,883	3,835	3,656	1,080	391	914
Thg12-22	11,993	5,434	4,915	1,339	407	1,254
Thg11-22	9,850	4,647	3,947	1,056	349	842
Thg10-22	9,253	3,646	4,042	1,252	404	883
Thg9-22	11,772	3,737	5,660	1,838	581	1,300

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rổng Việt

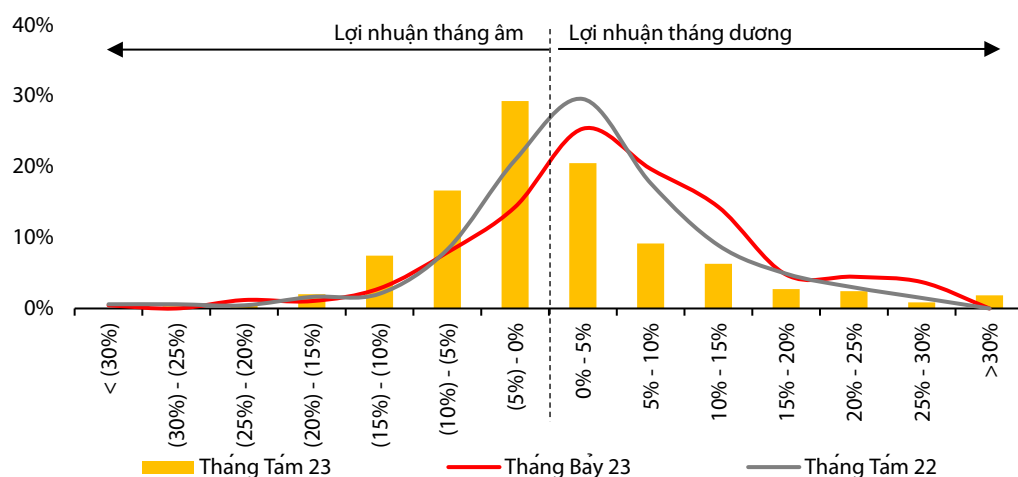
Bảng 2: GTGD 12 tháng qua giữa các nhóm NĐT (tỷ đồng) – Nhà đầu tư cá nhân vẫn kiểm soát thanh khoản thị trường với 86% tổng giá trị giao dịch, tăng 31 % MoM. Đáng chú ý khối ngoại và NĐT tổ chức ghi nhận mức tăng thanh khoản 45% MoM trong bối cảnh thị trường biến động mạnh

	NĐT Cá Nhân	NĐT Tổ chức	NĐT Nước ngoài	Tổng GTGD
Thg8-23	874,624	67,507	80,488	511,310
Thg7-23	669,092	46,673	55,390	385,578
Thg6-23	635,837	55,083	57,129	374,025
Thg5-23	419,867	34,698	36,431	245,498
Thg4-23	378,498	30,376	38,436	223,655
Thg3-23	338,681	31,689	55,419	212,895
Thg2-23	319,763	33,317	51,789	202,435
Thg1-23	277,839	25,203	37,812	170,427
Thg12-22	505,408	52,863	67,613	312,942
Thg11-22	394,191	46,354	71,818	256,181
Thg10-22	392,557	40,981	53,646	243,592
Thg9-22	468,017	34,736	39,055	270,904

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Tâm lý thị trường trong tháng Tám trở nên trung lập hơn khi tỷ lệ cổ phiếu tăng và giảm giá gần như đều nhau.

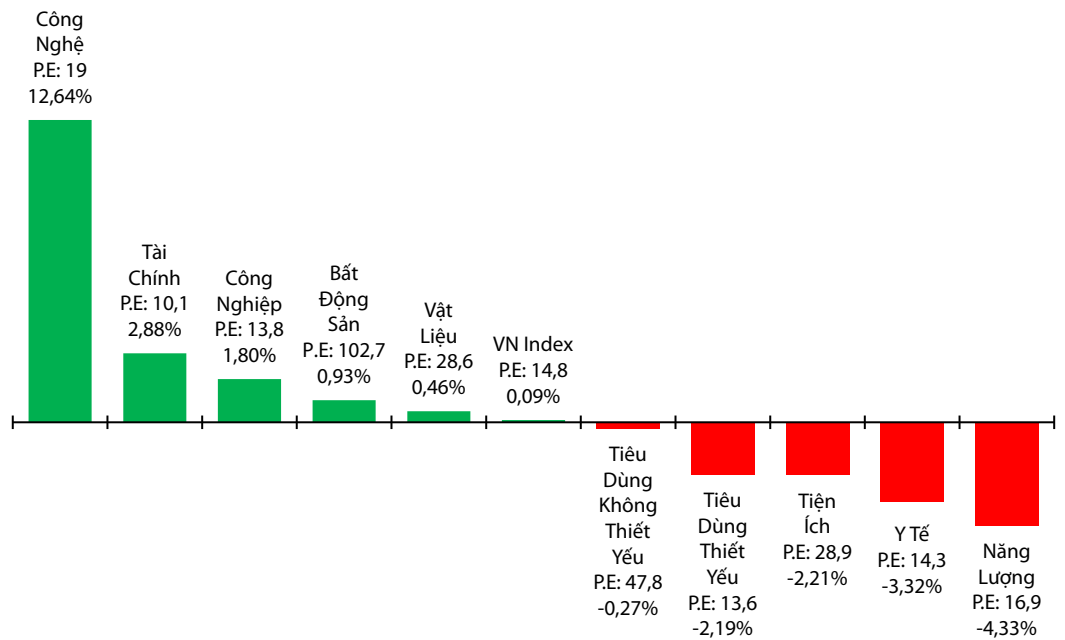
Hình 5: Phân phối lợi nhuận cổ phiếu trên sàn HSX và HNX



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

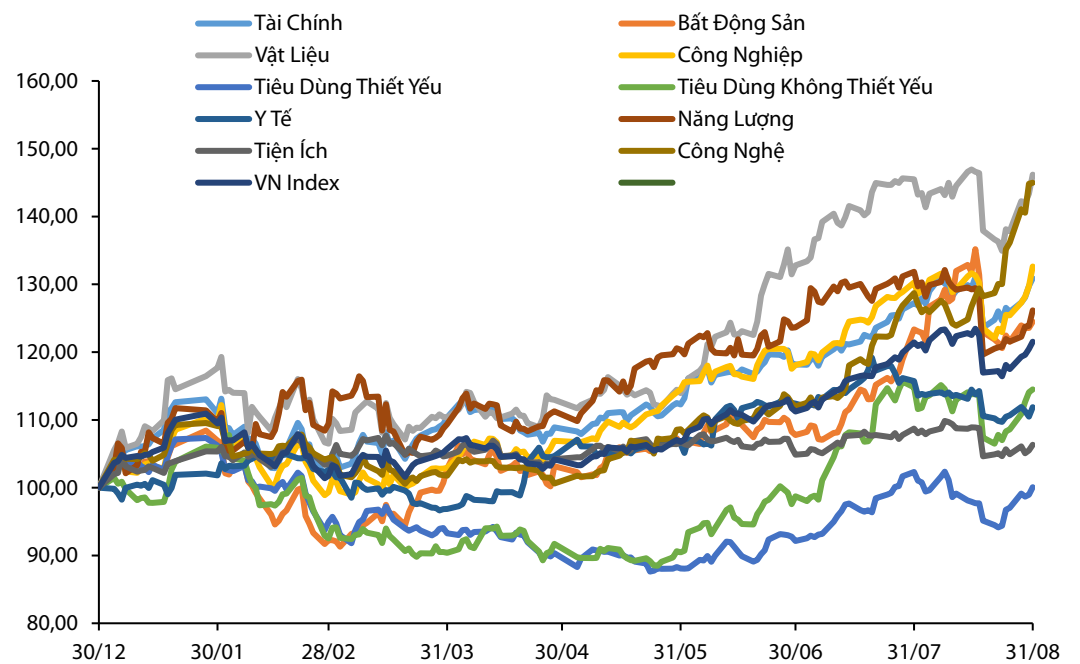
Trong số các nhóm ngành dựa trên GICS, có 4 ngành có mức sinh lời dương và vượt trội so với VN Index. **Công nghệ (+12,64%)** chứng kiến mức tăng theo tháng tốt nhất từ đầu năm, dẫn đầu tất cả các ngành và bắt kịp nhóm **Vật liệu (+0,46%)**, có hiệu suất tốt nhất từ đầu năm. Trong đà tăng đó Gã công nghệ khổng lồ **FPT (+14,29%)** dẫn đầu nhóm công nghệ, tiếp theo là **ELC (+52,6%)**.

Hình 6: Lợi nhuận các nhóm ngành trong tháng Tám – Ngành CNTT tăng tốc.



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

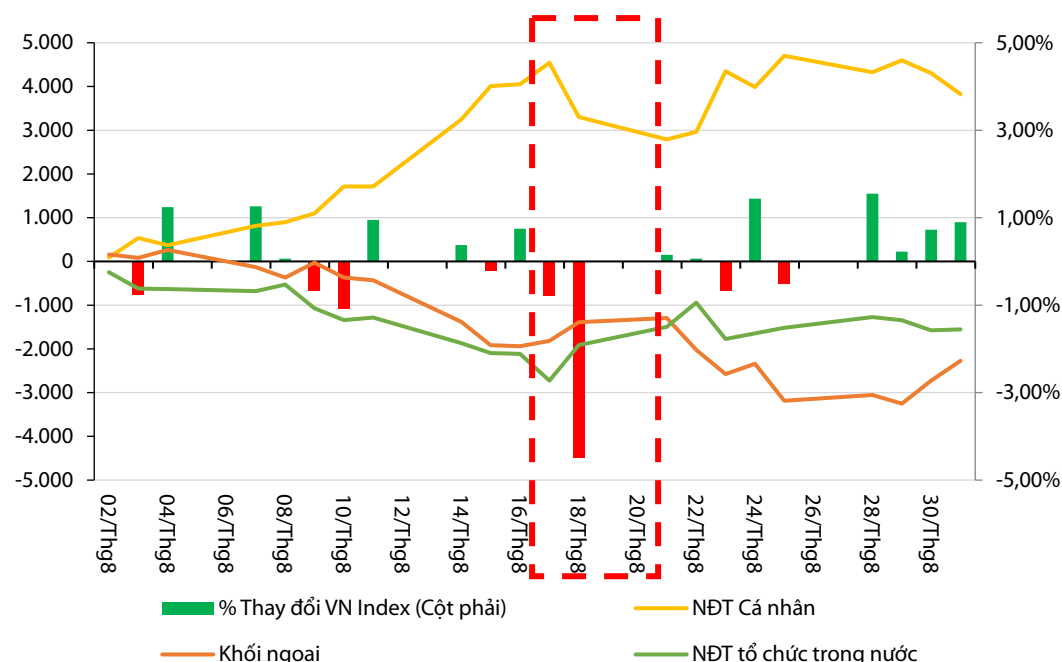
Hình 7: Diễn biến ngành từ đầu năm đến nay



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

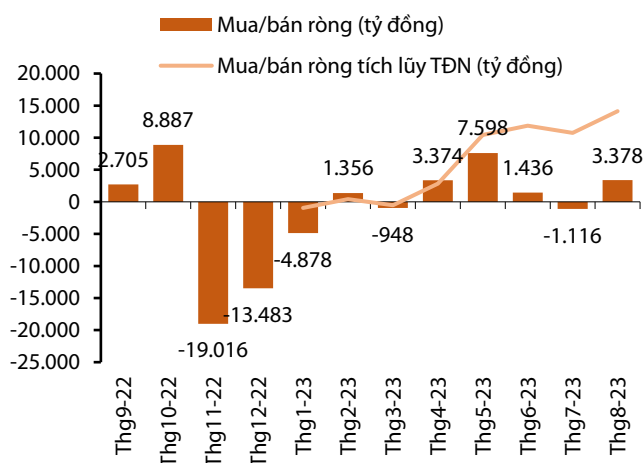
Hình 8: Vị thế ròng tích lũy của nhà đầu tư trên HSX trong tháng 8/2023 (tỷ đồng) – Trong các phiên điều chỉnh, khối ngoại và NĐT tổ chức trong nước là bên mua ròng mạnh.



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

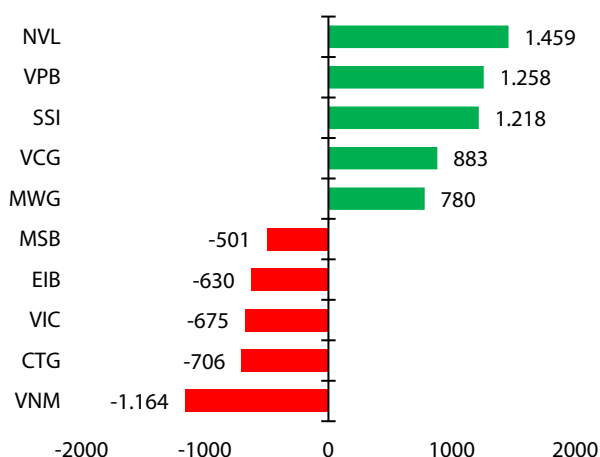
Nhà đầu tư cá nhân quay trở lại mua ròng mạnh 3.378 tỷ đồng (140,5 triệu USD). Vị thế ròng từ đầu năm tăng thêm lên +14.130 tỷ đồng (587,5 triệu USD). Ngoài ra, Hình 10 thể hiện danh sách các cổ phiếu được giao dịch đáng chú ý thông qua nhóm nhà đầu tư cá nhân trong nước.

Hình 9: Mua/bán ròng hàng tháng của nhà đầu tư cá nhân trong nước trên HSX



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

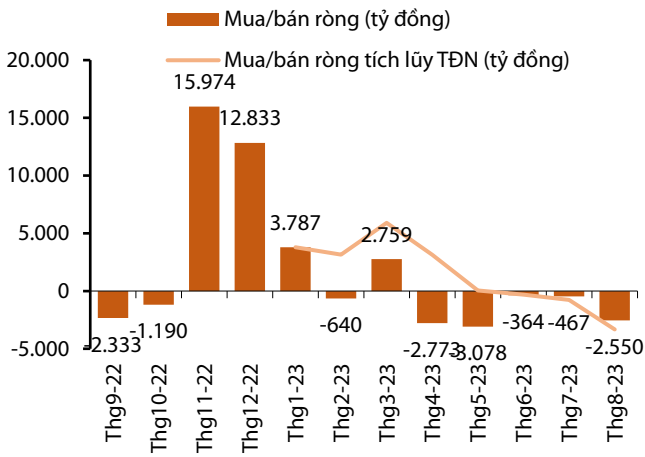
Hình 10: Top cổ phiếu mua/bán ròng của nhà đầu tư cá nhân trong nước trên HSX trong tháng Tám (Tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

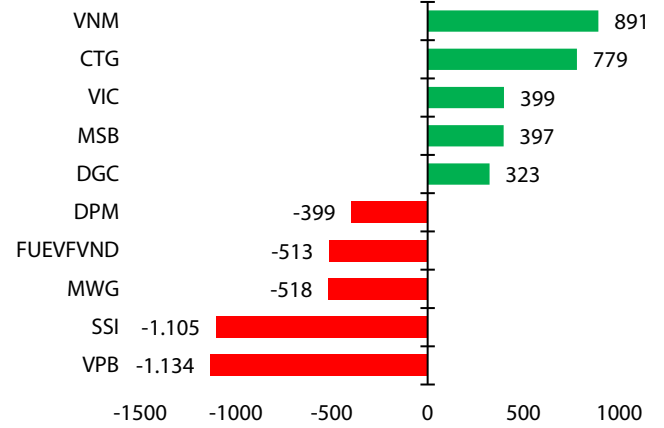
Khối ngoại tăng tốc trong việc giao dịch (+45% MoM, bảng 2), phần lớn giao dịch là bán ròng. Vị thế ròng hàng tháng là -2.550 tỷ đồng (106 triệu USD) và khiến vị thế ròng kể từ đầu năm của nhóm này ngày càng sâu, giá trị tích lũy đạt -3.325 tỷ đồng (138,3 triệu USD). Bất động sản và Ô tô & Phụ tùng là những ngành được ưa thích xem bảng 3.

Hình 11: Mua/bán ròng hàng tháng của khối ngoại trên HSX YTD



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Hình 12: Top cổ phiếu khối ngoại mua/bán ròng nhiều nhất trên HSX trong tháng Tám (Tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Bảng 3: Giá trị mua ròng/bán ròng của khối ngoại theo ngành trên HOSE

Ngành	Giá trị giao dịch ròng (tỷ đồng)	Khối lượng giao dịch ròng (nghìn cổ phiếu)
Bất động sản	516	18.590
Ô tô và phụ tùng	145	7.048
Thực phẩm và đồ uống	124	-885
Hóa chất	106	-2.783
Hàng cá nhân & Gia dụng	65	482
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	50	-4.904
Y tế	41	1.149
Du lịch và Giải trí	30	248
Viễn thông	0	0
Truyền thông	-1	-54
Tài nguyên Cơ bản	-9	-278
Công nghệ Thông tin	-73	-1.530
Xây dựng và Vật liệu	-124	-6.025
Ngân hàng	-143	-1.197
Bảo hiểm	-184	-3.849
Dầu khí	-192	-5.499
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-231	-14.971
Bán lẻ	-423	-9.642
Dịch vụ tài chính	-2.246	-84.196

Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

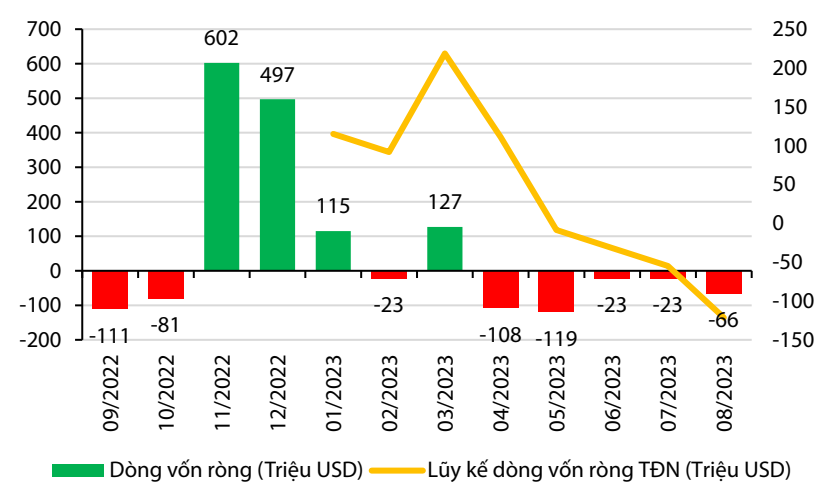
Trong tháng Tám, thị trường chứng khoán Việt Nam đã chứng kiến dòng vốn ròng chảy ra khiêm tốn ở mức 66 triệu USD so với các thị trường trong khu vực, khiến vị thế dòng vốn ròng tích lũy từ đầu năm đến nay lên tới -121 triệu USD).

Bảng 4: Dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài vào thị trường chứng khoán.

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)		
	1Thg	3Thg	TĐN
Ấn độ	▲ 1,726	5,866	17,032
Maylaysia	▲ 31	344	-585
Sri Lanka	▲ 6	13	15
Việt Nam	▼ -66	-89	-121
Philippines	▼ -131	203	-265
Thái Lan	▼ -443	-804	-3,911
Hàn Quốc	▼ -570	58	8,002
Indonesia	▼ -1,319	-1,137	-47
Đài Loan	▼ -4,549	-7,542	3,705
Nhật Bản	▼ -8,070	-2,974	43,910

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt
QTD: Từ đầu quý đến nay
YTD: Từ đầu năm đến nay

Hình 13: Dòng vốn ngoại rút ròng khỏi thị trường chứng khoán Việt Nam 12 tháng qua.



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

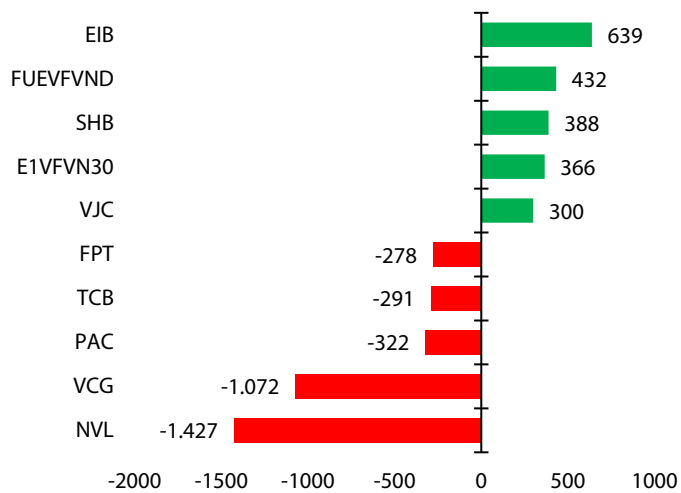
Bảng 4: Dòng vốn ETF – Áp lực rút ròng từ các quỹ ETF trong và ngoài nước vẫn lớn.

Tên ETF	Tài sản (Triệu \$)	Lưu chuyển dòng vốn (Triệu USD)		
		1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	4,222	▼ -161.31	▲ 10.02	▲ 173.50
ETFs ngoại	2,779	▼ -121.10	▲ 42.78	▲ 206.35
Asian Growth CUBS ETF	10	0.00	0.00	0.00
VanEck Vectors Vietnam ETF	645	0.00	28.12	92.49
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	-0.82	-1.70	-0.41
Premia MSCI Vietnam ETF	17	-0.90	-0.90	-0.59
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	394	-7.96	0.69	61.40
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	642	-17.08	-64.96	20.56
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	179	-41.01	16.97	-30.84
Fubon FTSE Vietnam ETF	886	-53.33	-61.75	33.06
ETFs nội	1,443	▼ -40.21	▼ -32.76	▼ -32.85
KIM GROWTH VN30 ETF	13	0.46	8.75	8.75
KIM GROWTH VNFINSELECT ETF	13	0.46	8.75	8.75
SSIAM VNX50 ETF	7	0.08	0.08	(0.38)
SSIAM VN30 ETF	4	0.06	0.36	0.98
DCVFMVN Diamond ETF	850	-	-	-
VinaCapital VN100 ETF	4	-	-	-
DCVFM VNMIDCAP ETF	5	-	0.43	0.43
MAFN VN30 ETF	26	(0.24)	(0.52)	(0.73)
SSIAM VNFIN LEAD ETF	187	(3.46)	(4.03)	(5.43)
DCVFMVN30 ETF Fund	335	(37.57)	(46.58)	(45.22)

Nguồn: Bloomberg, CTCK Rông Việt

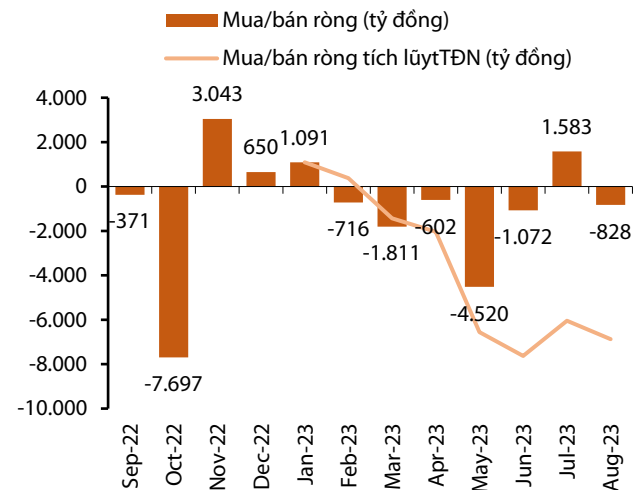
Đà bán ròng của **Nhà đầu tư tổ chức trong nước** chậm lại trong 3 tháng gần đây. Các tổ chức trong nước bán ra khiêm tốn trong tháng Tám với số tiền 828 tỷ đồng khi nhóm này đã bán mạnh trước khi thị trường điều chỉnh và mua mạnh sau đó (hình 8). Các cổ phiếu được các nhà đầu tư tổ chức trong nước giao dịch nhiều nhất được thể hiện trong hình 14.

Hình 14: Top cổ phiếu mua/bán ròng của các tổ chức trong nước trên HSX trong tháng 8/2023 (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

Hình 15: Hoạt động giao dịch của nhà đầu tư tổ chức trong nước trên HSX (tỷ đồng)



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rông Việt

VN-Index kết thúc tháng Tám tại 1.224 điểm, không tăng so với tháng Bảy. Diễn biến này đã chấm dứt mạch 4 tháng tăng điểm – có thể nói đây là khoảng thời gian mà hiệu ứng đảo chiều chính sách tiền tệ có tác động rõ rệt nhất lên thị trường chứng khoán. Giá trị giao dịch khớp lệnh sàn HSX tăng mạnh 34% so với tháng Bảy với giá trị giao dịch bình quân đạt 20,5 nghìn tỷ đồng/phiên (+22% MoM), khi trong tháng có phiên giảm mạnh với giá trị khớp lệnh tăng vọt lên mức 35 nghìn tỷ. Kể từ thời điểm đó tới ngày 5/9, các chỉ số dần phục hồi: VN Midcap ghi nhận đà tăng tốt nhất (+11,1%) và vượt mức đỉnh trong tháng Tám, theo sau là VN Smallcap (+6,4%), VN Index (+4,8%) và VN30 (+4,6%). Điểm tích cực là diễn biến giá này đi kèm với thanh khoản bình quân cải thiện trở lại trên 20 nghìn tỷ đồng/phiên. Điều này không chỉ phản ánh rằng một lượng lớn tiền đã chờ bắt đáy mà còn cho thấy dòng tiền duy trì được sức mua liên tục để giữ xu thế phục hồi sau đó.

Xét theo nhóm ngành, các ngành tăng điểm mạnh nhất trong tháng Tám gồm CNTT (+13,1%); DV Tài chính (+10,4%); Ô tô (+9,9%). Các nhóm hồi phục mạnh từ đáy tháng Tám có thể kể đến như DV Tài chính (+14,5%), CNTT (+13,4%), Hóa chất (+11,8%), Bán lẻ (+9,1%).

Trong tháng Chín, chúng tôi đánh giá các yếu tố nổi bật tác động đến thị trường có thể kể đến như

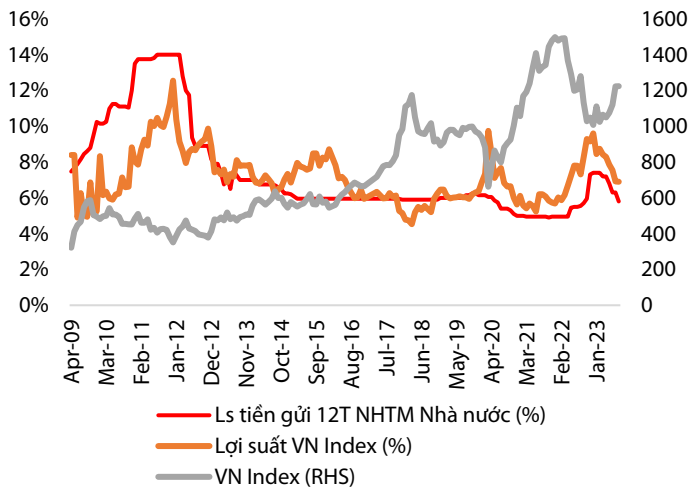
- Cuộc họp về các giải pháp nâng hạng TTCK và tiến độ triển khai hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm của Ủy ban CK vào ngày 7/9.
- Kỳ vọng mặt bằng lãi suất tiền gửi tiếp tục giảm và hỗ trợ dòng tiền quay trở lại thị trường chứng khoán. Cuối tháng Tám, các ngân hàng quốc doanh đã giảm lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng xuống mức 5,8%/năm. Với định giá P/E hiện tại của VN Index là 14,9x và lợi suất tương ứng là 6,7%, TTCK vẫn hấp dẫn hơn tương đối so với kênh tiền gửi tiết kiệm. Trong bối cảnh thanh khoản trên hệ thống liên ngân hàng vẫn rất dồi dào khi lãi suất qua đêm trên thị trường liên ngân hàng duy trì ở mức rất thấp (tại ngày 06/09/2023 là 0,16%), chúng tôi kỳ vọng các ngân hàng có thể tiếp tục giảm lãi suất huy động trong thời gian tới.
- Quyết định về lãi suất quỹ liên bang của FED trong kỳ họp FOMC sắp tới. Khả năng cao là Fed sẽ giữ nguyên mức lãi suất hiện tại (5.25%-5.5%), mặc dù chỉ số lạm phát lõi đã dừng giảm trong tháng Bảy, do nền kinh tế Mỹ đang chậm lại đúng như kỳ vọng với tỷ lệ thất nghiệp tăng lên mức 3,8%, mức cao nhất từ tháng 2/2022.
- Vĩ mô có thể tiếp tục khởi sắc nhẹ. Tín dụng dự báo sẽ tăng tốc dần trong các tháng tới khi Thông tư 10/2023/TT-NHNN có hiệu lực từ 1/9/2023. Thông tư này gỡ bỏ các hạn chế liên quan tới việc cho vay mua cổ phần của Công ty tư nhân, và cho vay đối với lĩnh vực BĐS (cho vay góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh để thực hiện dự án không đủ điều kiện kinh doanh, cho vay bù đắp tài chính). Ngoài ra, ngành sản xuất cũng đã có tín hiệu tốt hơn khi PMI Việt Nam trong tháng 8 đã tăng lên 50.5. Một số dấu hiệu phục hồi của nhu cầu đã giúp số lượng đơn đặt hàng mới tăng lần đầu kể từ tháng 2/2023.

Về rủi ro giảm đáng chú ý

- Xu hướng bán ròng của khối ngoại có thể chưa chấm dứt có thể ảnh hưởng tới hiệu suất của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Trong tháng Tám, khối ngoại đã bán ròng với giá trị quy đổi khoảng 106 triệu USD. Với việc các quỹ ETF ngoại đã bị rút ròng khoảng 68 triệu USD, các quỹ đầu tư chủ động cũng đã bán ròng khoảng 38 triệu USD trong tháng Tám. Một phần lý do khiến hoạt động bán ròng có thể tiếp diễn là rủi ro mất giá của đồng VNĐ. Mặc dù liên suất quỹ liên bang có thể sẽ không thay đổi trong tháng Chín, mức chênh lệch giữa lãi suất qua đêm giữa VNĐ và USD vẫn là rất lớn (~5%), khiến cho đồng VNĐ có thể tiếp tục mất giá. Tuy nhiên, xu hướng này có thể không gây ra những ảnh hưởng quá tiêu cực tới TTCK do (1) yếu tố này đã được kỳ vọng khi SBV lựa chọn mạnh tay nới lỏng CSTT, và (2) tỷ lệ tham gia thị trường của NĐT tổ chức nước ngoài – nhóm NĐT có hành vi giao dịch liên quan tới tỷ giá – đang giảm dần, (3) PMI cải thiện lên mức 50.5 hàm ý hoạt động XNK cải thiện nhẹ, và duy trì thặng dư thương mại.

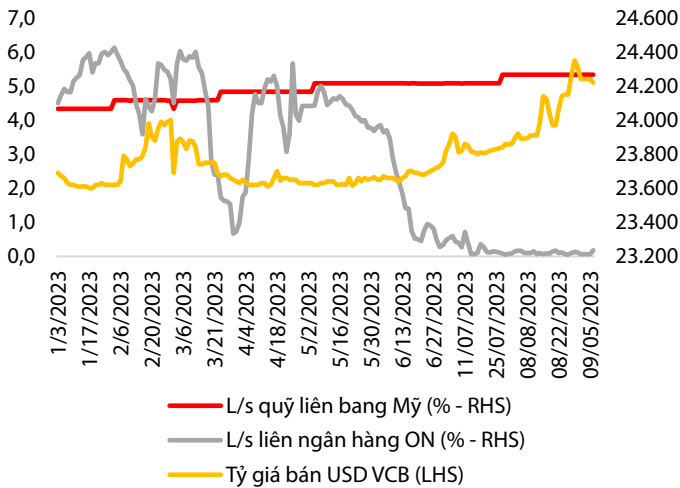
Do đó, chúng tôi dự báo thị trường tiếp tục duy trì xu hướng tăng hỗ trợ bởi yếu tố dòng tiền với dao động trong vùng 1.210-1.280 điểm.

Hình 16: Lợi suất của TTCK duy trì tính hấp dẫn hơn so với kênh tiền gửi tiết kiệm



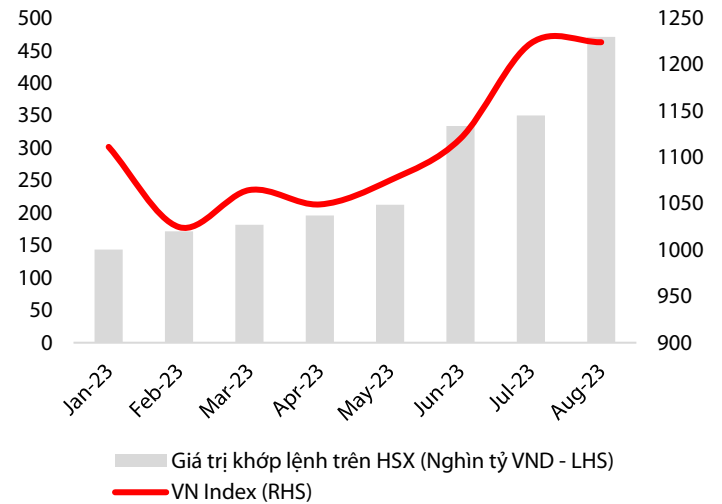
Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 18: Tỷ giá duy trì xu hướng tăng trong bối cảnh chênh lệch lãi suất VNĐ và USD



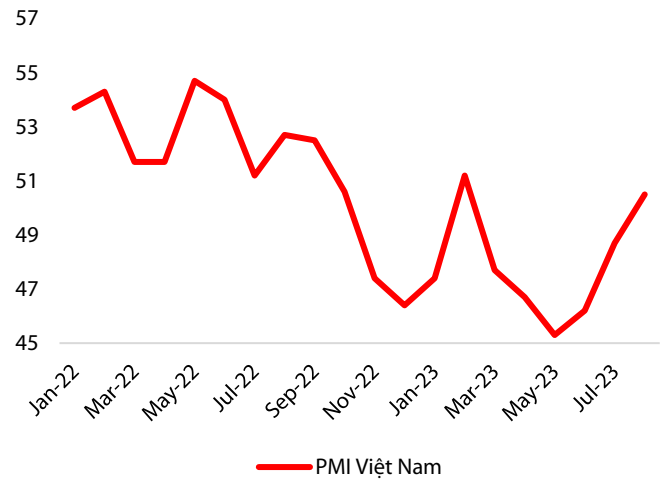
Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 17: Thanh khoản tăng đột biến trong tháng Tám, nhưng không đáng ngại do xu hướng phục hồi sau phiên giảm mạnh



Nguồn: Fiinpro, CTCK Rồng Việt

Hình 19: PMI của Việt Nam hồi phục nhẹ trong tháng Tám hỗ trợ triển vọng thương mại



Nguồn: S&P Global PMI, CTCK Rồng Việt

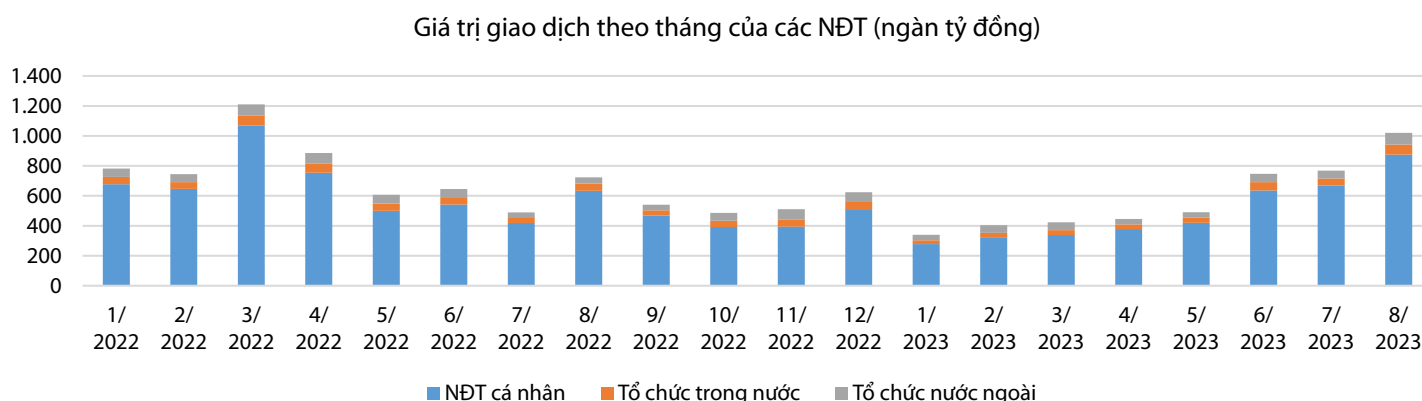
Tiền “rẻ” giúp giao dịch thuận lợi

Nhịp điều chỉnh mạnh (-6,8%) vào trung tuần tháng Tám đã giúp thị trường “bớt nóng” sau chuỗi 14 tuần trong xu hướng tăng điểm (kể từ đầu tháng 5/2023). Chúng tôi cho rằng đây là một sự điều chỉnh lành mạnh. Như báo cáo cập nhật triển vọng sáu tháng cuối năm được phát hành ngày 5/8/2023 của Rồng Việt, chúng tôi cho rằng chính sách tiền tệ và tài khóa mở rộng sẽ tạo cơ hội giao dịch thuận lợi cho thị trường. Theo đó, *nhà đầu tư có thể sử dụng một tỷ lệ đòn bẩy hợp lý (và phù hợp khẩu vị rủi ro) để gia tăng hiệu quả cho danh mục đầu tư*. Đây là quan điểm xuyên suốt của chúng tôi cho những tháng cuối năm.

Thị trường có thể biến động mạnh ở vùng P/E trượt 14,8 lần của VNIndex (tương ứng vùng 1240 điểm), NĐT ngắn hạn cần tuân thủ nghiêm chiến lược mua – bán linh hoạt: tích lũy cổ phiếu ưa thích khi giá điều chỉnh về vùng chờ mua và giảm tỷ trọng cổ phiếu trong những nhịp thị trường có dấu hiệu “FOMO”^(*). Trong tháng Tám, trái với sự hoạt động tích cực của NĐT cá nhân, NĐT tổ chức trong và ngoài nước đang cho thấy sự thận trọng nhất định, thể hiện qua động thái bán ròng mạnh và mức độ tham gia thị trường (đo lường bằng tỷ lệ giao dịch của NĐT nước ngoài trên tổng giao dịch toàn thị trường) giảm. Sự thận trọng của NĐT tổ chức có thể sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến diễn biến thị trường, đặc biệt trong môi trường lãi suất thấp và tâm lý lạc quan của NĐT cá nhân, song sẽ tạo nên những nhịp biến động mạnh của thị trường. Đặc biệt khi chỉ số càng lên cao (tiến đến vùng P/E 15.5x–16.x) mà thiếu nền tảng cơ bản hỗ trợ, mức độ điều chỉnh có thể mạnh và diễn ra bất ngờ (như trung tuần tháng Tám).

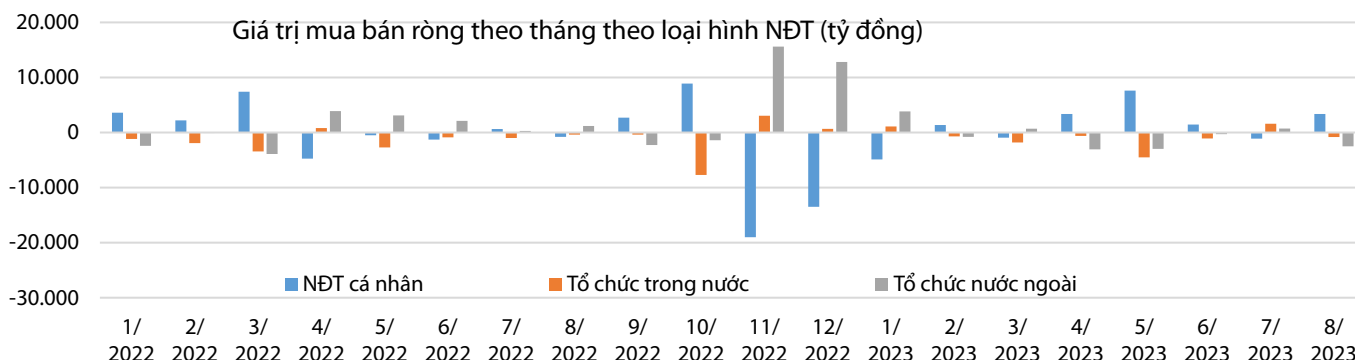
(*) FOMO: giá cổ phiếu tăng nhanh và mạnh trong thời gian ngắn, dẫn đến cảm giác sợ bỏ lỡ cơ hội khiến NĐT vội vã ra quyết định mua vào cổ phiếu. Khi mà mức độ phục hồi của kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước trong quý 3/2023 vẫn còn rất chậm thì chúng tôi cho rằng NĐT sẽ có nhiều cơ hội tích lũy cổ phiếu ở giá tốt, do vậy, cần hạn chế các hành động “FOMO”.

Hình 20: Mức độ tham gia thị trường của NĐT tổ chức trong và ngoài nước đã giảm đáng kể trong quý 2 và quý 3/2023 so với sáu tháng liền trước đó



Nguồn: CTCK Rồng Việt

Hình 21: NĐT cá nhân trong nước duy trì trạng thái mua ròng tích cực kể từ đầu quý 2/2023 – nay



Nguồn: CTCK Rồng Việt

Triển vọng kinh doanh quý 3/2023, câu chuyện giải ngân đầu tư công và các gói tài khóa hỗ trợ kích cầu tiêu dùng sẽ là những dòng câu chuyện dẫn dắt cho sự sôi động luân phiên giữa các nhóm ngành và cổ phiếu.

- KQKD có thể cải thiện trong quý 3 nhưng với mức độ chậm và có sự phân hóa.
 - (1) Điểm sáng về tăng trưởng tổng lợi nhuận bốn quý liên tiếp (thường niên hóa) sẽ ở các ngành dịch vụ tài chính (chứng khoán), bảo hiểm, năng lượng (dầu khí và vận tải dầu khí), bất động sản (dân dụng và KCN),
 - (2) Đà tăng trưởng có thể chậm lại ở nhóm DV phần mềm, dược và ngân hàng do mức nền cao của cùng kỳ năm 2022, và
 - (3) Kỳ vọng sẽ nhìn thấy đáy hình thành ở các nhóm ngành thực phẩm đồ uống, hàng cá nhân gia dụng, tiêu dùng lâu bền (dệt may), và bán lẻ tiêu dùng.
- Tốc độ giải ngân đầu tư công tiếp diễn xu hướng tích cực. Tổng vốn đầu tư từ nguồn NSNN ước thực hiện trong 8T2023 tăng hơn 23% so với cùng kỳ năm 2022 với tỷ lệ hoàn thành kế hoạch năm là 49,4% (8T2022: tăng trưởng 17% và hoàn thành 47,6%). Trong đó, bộ GTVT có mức độ hoàn thành kế hoạch cao nhất (53,3%) và tăng trưởng gần 80% so với cùng kỳ.
- Đầu tư công tăng tốc và các gói tài khóa hỗ trợ kích cầu sẽ tạo tiền đề phục hồi cho nhóm ngành hàng tiêu dùng và bán lẻ trong quý cuối năm. Mặc dù vậy, một số cổ phiếu ưa thích của chúng tôi cho dòng câu chuyện này đã tăng giá khá nhanh so với khả năng cải thiện lợi nhuận ngay trong quý 3/2023. Do đó, chúng tôi tạm thời không đề xuất nhóm cổ phiếu này cho tháng Chín.

Cổ phiếu ưa thích cho tháng Chín của chúng tôi bao gồm REE, PC1, MSN, VNM, VCB, ACB, BID, MBB, OCB, KDH, DBD, PGV, LHG, KBC, NTC và SIP.

Mã	VHTT (tỷ đồng)	GTKLBQ 3 tháng (triệu đồng)	P/B hiện tại (x)	P/E hiện tại (x)	ROE trượt 4Q (%)	GMT (đồng)	Giá đóng cửa (đồng)	Vùng mua xem xét (k. đồng)
BID	237.498	75.651	2,2	11,7	19,9%	53.000	46.950	43 - 45
DBD	3.862	5.060	2,9	14,0	20,1%	65.800	51.600	50 - 51
KBC	26.444	273.795	1,5	7,9	18,4%	40.000	34.450	31.5 - 32.5
KDH	26.523	73.540	2,2	28,9	7,8%	39.300	37.000	33 - 35
LHG	1.385	5.302	0,9	7,4	12,3%	50.000	27.700	25 - 27
MBB	96.461	218.281	1,2	5,3	23,4%	22.300	18.500	18 - 19
MSN	116.614	144.637	4,4	89,0	5,0%	85.000	81.500	78 - 81
NTC	4.342	1.542	5,0	16,8	32,5%	256.000	178.921	174 - 178
OCB	26.850	31.945	1,0	6,4	16,3%	22.600	19.600	18 - 19
PC1	7.315	67.562	1,5	30,2	4,8%	28.300	27.050	25 - 26
REE	25.667	61.410	1,6	9,7	16,9%	74.000	62.800	60 - 62
SIP	12.090	10.457	3,7	14,4	25,8%	168.000	133.000	120 - 128
VCB	497.988	101.435	3,3	15,4	23,0%	99.500	89.100	84 - 87
VNM	162.599	306.920	4,9	19,8	26,1%	87.600	77.800	72 - 74

Nguồn: CTCK Rồng Việt

Danh mục cổ phiếu lựa chọn trong báo cáo chiến lược năm 2023 của chúng tôi nhìn chung là khả quan, với 19/25 cổ phiếu có mức sinh lời tốt hơn diễn biến của chỉ số VNIndex. Sang nửa cuối năm 2023, trên cơ sở cân nhắc về sự chuyển động của chính sách vĩ mô, chúng tôi thực hiện điều chỉnh danh mục cổ phiếu lựa chọn như Bảng 7.

Bảng 6: Hiệu suất danh mục cổ phiếu lựa chọn vào đầu năm 2023

Mã	VHTT (tỷ đồng)	KLKLBQ 3T (ngàn cp)	PE hiện tại	PB hiện tại	Giá đóng cửa điều chỉnh (đồng)		Thay đổi giá
					Ngày 15/12/2022	Ngày 14/07/2023	
QNS	19.067	853	13,4	2,5	33.668	52.111	54,8%
DBD	4.042	104	15,5	2,9	34.573	51.400	48,7%
HSG	11.272	14.852	-10,7	1,1	12.282	17.750	44,5%

FMC	3.139	56	11,6	1,7	32.923	47.400	44,0%
HPG	164.268	21.119	247,4	1,7	19.350	27.500	42,1%
PVD	14.286	5.259	543,2	1,0	17.700	25.150	42,1%
LHG	1.450	196	7,1	0,9	19.956	28.150	41,1%
KBC	24.870	9.078	11,1	1,5	22.800	31.000	36,0%
PC1	7.843	2.193	23,6	1,5	20.650	28.000	35,6%
STK	3.002	65	22,4	1,9	22.566	29.900	32,5%
VCB	495.021	767	16,0	3,4	67.313	88.904	32,1%
GEG	5.255	1.836	23,2	1,2	12.406	15.150	22,1%
NLG	14.422	2.945	24,8	1,6	30.311	36.900	21,7%
HND	7.786	30	34,8	1,3	12.929	15.380	19,0%
FPT	102.867	961	17,6	4,3	66.791	78.300	17,2%
DRC	2.827	540	12,0	1,6	19.954	23.200	16,3%
MBB	97.764	10.155	5,4	1,2	16.074	18.650	16,0%
ACB	85.643	7.815	5,9	1,4	19.379	22.000	13,5%
KDH	24.551	2.108	24,4	2,1	28.200	31.500	11,7%
VNIndex	4.500.957	680.000	13,3	1,7	1055,32	1168,4	10,7%
VPB	146.684	13.874	12,2	1,5	18.200	19.900	9,3%
CTG	143.452	4.830	8,4	1,3	28.250	29.900	5,8%
MWG	79.710	3.608	29,8	3,3	47.000	49.450	5,2%
VNM	153.821	3.478	19,0	4,9	76.234	73.300	-3,8%
PNJ	26.010	784	14,8	2,8	83.483	78.500	-6,0%

Nguồn: CTCK Rồng Việt

Bảng 7: Danh mục cổ phiếu ưa thích cho nửa cuối năm 2023

Mã	VHTT (tỷ đồng)	GTKL BQ 3T (triệu đồng)	P/E hiện tại (x)	P/B hiện tại (x)	ROE trượt 4Q (%)	Thị giá ngày 31/8 (đồng)	GMT (đồng)	Cổ tức tiền (đồng)	Vùng mua cân nhắc (k. đ)	Vùng bán cân nhắc (k. đ)
ACB	87.780	207.907	5,0	1,4	24,1	22.600	28.800	0	21-22	25-26
BID	237.498	75.651	11,7	2,2	19,9	46.950	53.000	100	43 - 45	55-58
BWE	9.550	6.655	13,4	2,1	16,3	49.500	N.a.	1.400	44-46	55-60
CTG	155.947	199.001	8,9	1,3	15,9	32.450	31.600	0	27.5 - 28.5	32-33
DBD	3.862	5.060	14,0	2,9	20,1	51.600	65.800	2.000	48 - 50	60-64
FMC	3.099	3.009	11,6	1,7	14,3	47.400	53.000	2.000	43 - 45	55-60
FPT	122.806	118.110	21,1	5,1	26,5	96.700	96.600	2.000	80 - 82	95-100
GEG	4.880	23.458	24,7	1,3	5,2	14.300	15.200	400	14 - 15	18-20
HPG	160.488	661.445	-84,1	1,6	-2,0	27.600	24.600	0	25 - 26	32-36
KBC	26.444	273.795	7,9	1,5	18,4	34.450	40.000	2.000	29 - 31	38-40
KDH	26.523	73.540	28,9	2,2	7,8	37.000	39.300	0	33 - 35	43-45
LHG	1.385	5.302	7,4	0,9	12,3	27.700	50.000	1.900	25 - 27	30-33
MBB	96.461	218.281	5,3	1,2	23,4	18.500	22.300	0	18 - 19	20.5-21.5
MSN	116.614	144.637	89,0	4,4	5,0	81.500	85.000	0	80 - 83	90-95
MWG	78.686	278.114	50,3	3,4	6,6	53.800	57.600	500	48-50	60-65
OCB	26.850	31.945	6,4	1,0	16,3	19.600	22.600	0	18 - 19	21-22
PC1	7.315	67.562	30,2	1,5	4,8	27.050	28.300	0	24-26	29-31
PGV	32.805	1.236	12,5	1,8	14,9	29.200	N.a.	2.500	28 - 29	35-40
PNJ	26.404	74.927	14,6	2,9	20,5	80.500	88.000	2.000	78-80	88-90
QNS	17.806	62.543	10,1	2,3	23,9	49.884	52.800	3.000	42 - 45	55-57
QTP	7.090	13.551	12,6	1,3	9,5	15.755	N.a.	900	15 - 16	19-20
REE	25.667	61.410	9,7	1,6	16,9	62.800	74.000	1.000	62-64	77-84
SIP	12.090	10.457	14,4	3,7	25,8	133.000	168.000	2.000	120 - 128	160-180
STK	3.138	2.306	23,4	2,0	8,6	33.350	31.700	0	28-30	34-36
TCB	121.345	181.870	6,8	1,0	15,5	34.500	40.500	0	31 - 33	37-40
VCB	497.988	101.435	15,4	3,3	23,0	89.100	99.500	0	84 - 87	100-105
VNM	162.599	306.920	19,8	4,9	26,1	77.800	87.600	3.850	71 - 74	86-90
VPB	140.642	370.170	12,1	1,4	11,8	20.950	25.000	0	20.5 - 21.5	24-25
NLG	14.941	120.824	26,1	1,7	6,4	38.900	36.700	500	20.5 - 21.6	40-43

Nguồn: CTCK Rồng Việt

DANH SÁCH CỔ PHIẾU QUAN TÂM

Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @6/9/2023 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2022		2023F		2024F		PE 2023F (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	±/ Giá 1 năm (%)	GTGD BQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							±/ DT (%)	±/ LNST (%)	±/ DT (%)	±/ LNST (%)	±/ DT (%)	±/ LNST (%)							
LHG	HOSE	61	50.000	28.950	79%	Mua	-19,5	-31,7	14,7	49,4	25,6	31,2	4,8	3,6	1,0	6,6	-20,5	219,7	32,9
NTC	UPCOM	183	256.000	181.158	45%	Mua	-1,0	-12,9	-15,0	-8,1	149,1	18,4	18,5	15,6	5,0	3,3	8,5	63,4	45,7
DBD	HOSE	167	65.800	53.000	28%	Mua	-0,2	29,0	12,6	21,4	9,5	9,5	13,4	12,2	3,0	3,8	32,9	305,5	89,8
ACV	UPCOM	6.949	96.600	75.657	28%	Mua	191,1	801,8	38,4	2,0	27,6	38,4	22,7	16,4	3,5	0,0	-13,4	180,6	45,2
ACB	HOSE	3.761	28.800	22.950	25%	Mua	22,2	42,5	12,5	16,8	15,0	15,9	5,6	4,8	1,4	0,0	11,5	11.324,2	0,0
SIP	HOSE	524	168.000	136.500	25%	Mua	0,0	0,0	12,5	-4,2	5,2	15,1	15,1	6,5	3,8	2,9	9,5	486,4	-0,4
KBC	HOSE	1.114	40.000	34.400	22%	Mua	-77,5	97,8	729,5	106,4	7,1	13,1	8,3	7,3	1,5	5,8	1,5	11.700,3	29,6
SCS	HOSE	266	75.000	66.700	21%	Mua	1,4	14,6	-12,7	-20,4	9,9	11,1	14,1	12,5	5,2	9,0	-14,7	176,8	20,3
HND	UPCOM	307	16.500	14.557	20%	Mua	16,4	25,3	8,4	-3,2	7,8	48,6	13,4	9,0	1,1	6,9	-5,5	21,9	49,0
IMP	HOSE	200	84.000	71.000	20%	Tích lũy	29,8	23,7	27,5	62,8	14,0	16,8	14,6	12,5	2,4	1,4	15,5	65,3	25,4
REE	HOSE	1.105	74.000	64.100	17%	Tích lũy	61,3	45,0	-4,7	-14,6	13,1	14,0	11,3	10,4	1,6	1,6	-13,3	2.674,8	0,0
MBB	HOSE	4.235	22.300	19.250	16%	Tích lũy	23,4	37,7	8,9	15,5	17,6	12,2	4,6	4,1	1,2	0,0	-4,0	9.326,7	0,0
TCB	HOSE	5.224	40.500	35.200	15%	Tích lũy	10,3	11,6	-3,0	-10,8	23,9	38,7	6,9	5,0	1,0	0,0	-8,9	11.403,9	0,0
VPB	HOSE	6.175	25.000	21.800	15%	Tích lũy	30,5	55,1	-3,3	-10,2	22,7	27,0	9,8	8,3	1,4	0,0	4,1	19.517,9	0,5
VNM	HOSE	7.055	87.600	80.000	14%	Tích lũy	-1,6	-19,1	4,3	6,0	5,0	11,5	20,6	18,5	5,0	4,8	8,2	14.603,7	46,1
BID	HOSE	10.096	53.000	47.300	12%	Tích lũy	11,4	72,6	9,9	20,1	14,9	31,5	12,2	9,3	2,2	0,2	18,1	3.395,2	12,9
PNJ	HOSE	1.122	88.000	81.100	11%	Tích lũy	73,3	75,6	-5,9	-0,8	12,1	17,2	14,9	13,9	2,9	2,5	-3,0	3.754,8	0,2
TNG	HNX	97	21.700	20.300	11%	Tích lũy	24,5	25,8	5,7	-0,7	2,7	21,4	7,6	6,7	1,4	3,9	-13,8	1.454,8	30,1
HAX	HOSE	62	17.500	16.250	11%	Tích lũy	22,0	49,5	-2,2	-1,4	2,7	8,1	5,0	4,6	1,3	3,1	-17,1	939,8	38,4
FMC	HOSE	138	53.000	49.850	10%	Tích lũy	9,7	15,2	-14,0	-0,8	17,5	28,9	10,8	8,4	1,8	4,0	2,8	132,5	18,8
VCB	HOSE	21.272	99.500	90.200	10%	Tích lũy	20,0	36,4	7,2	14,3	17,0	17,9	14,8	12,6	3,3	0,0	28,8	5.494,9	6,5
NT2	HOSE	352	29.400	28.950	10%	Tích lũy	42,9	36,6	-14,2	-42,8	28,3	46,9	16,7	11,4	1,8	8,6	10,5	978,6	33,3
QNS	UPCOM	767	52.800	50.910	10%	Tích lũy	12,6	2,5	20,3	52,6	6,3	-4,8	8,0	8,4	2,4	5,9	15,8	2.753,4	31,4
PVT	HOSE	324	26.000	23.750	9%	Tích lũy	21,3	30,6	1,9	0,0	4,4	-6,2	10,3	10,1	1,2	0,0	4,9	3.508,3	33,8
PPC	HOSE	203	15.600	15.000	9%	Tích lũy	36,4	259,4	18,4	-5,3	9,3	16,4	11,4	9,8	0,9	5,3	-15,3	219,8	36,0
CMG	HOSE	322	54.800	50.700	9%	Tích lũy	30,1	27,4	17,3	19,0	20,2	31,0	20,6	15,8	3,0	1,2	7,9	425,7	6,9
OCB	HOSE	1.196	22.600	20.700	9%	Tích lũy	-4,3	-20,3	15,4	24,9	21,2	24,1	6,7	5,4	1,0	0,0	17,6	1.954,7	0,9
VSC	HOSE	171	32.000	30.450	8%	Tích lũy	6,1	-10,2	-1,7	-56,4	4,6	52,6	27,0	17,7	1,5	3,3	-5,0	4.014,9	45,9
KDH	HOSE	1.102	39.300	36.450	8%	Tích lũy	-22,1	-10,2	-9,0	2,0	67,8	32,4	23,7	23,4	2,2	0,0	0,7	3.264,8	10,8
HDB	HOSE	2.099	18.500	17.200	8%	Tích lũy	31,1	28,0	8,6	5,2	42,5	78,2	6,2	3,5	1,3	0,0	-2,4	4.950,8	1,8

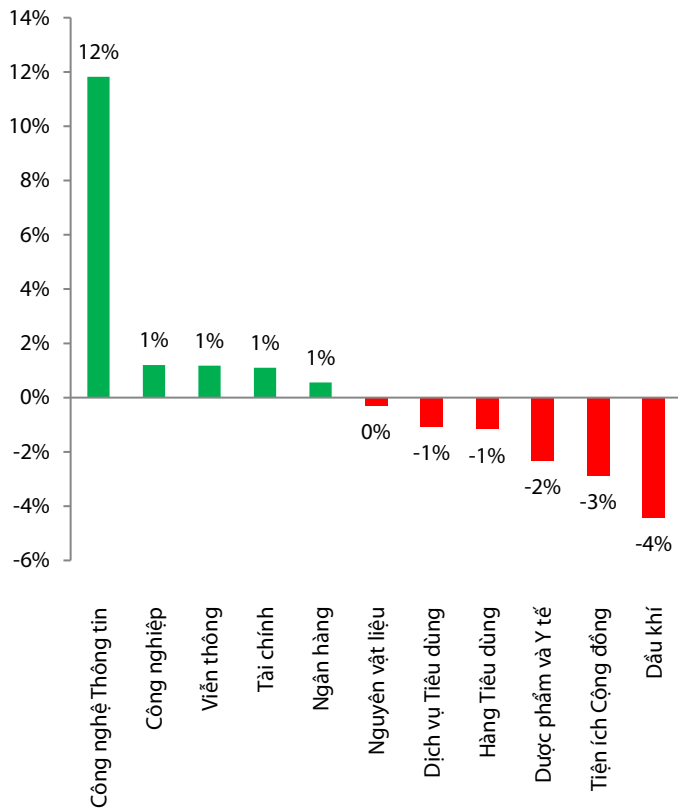


Mã	Sàn	VHTT (triệu USD)	Giá mục tiêu (đồng)	Giá @6/9/2023 (đồng)	Lợi nhuận kỳ vọng (%)	Khuyến nghị	2022		2023F		2024F		PE 2023F (x)	PE 2024F (x)	PB hiện tại (x)	Tỷ suất cổ tức (%)	+/- Giá 1 năm (%)	GTGD BQ 3 tháng (nghìn USD)	Sở hữu Nước ngoài còn lại (%)
							+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)	+/- DT (%)	+/- LNST (%)							
GEG	HOSE	210	15.200	14.550	7%	Tích lũy	51,6	15,9	15,9	-18,3	-7,9	88,4	22,7	11,4	1,4	2,7	-30,1	996,5	3,3
DPM	HOSE	625	36.200	37.850	6%	Tích lũy	45,7	79,2	-25,7	-79,8	1,7	89,5	13,2	7,0	1,2	10,6	-14,9	5.455,1	34,2
MWG	HOSE	3.394	57.600	55.000	6%	Tích lũy	8,5	-16,3	-14,5	-72,2	15,7	248,6	70,6	20,2	3,5	0,9	-23,8	13.475,4	0,0
BFC	HOSE	47	19.200	19.600	6%	Tích lũy	10,8	-35,0	-9,9	-22,2	-14,0	45,0	11,2	7,7	1,1	7,7	-13,9	329,2	48,4
PVD	HOSE	611	26.800	26.050	3%	Trung lập	35,9	-604,0	25,8	N/A	9,6	88,1	42,2	22,6	1,0	0,0	22,9	5.197,9	26,8
MSN	HOSE	4.993	85.000	82.700	3%	Trung lập	-14,0	-58,3	2,8	-61,5	2,8	91,0	85,9	44,9	4,5	0,0	-28,1	8.561,5	18,9
GMD	HOSE	826	63.400	64.000	2%	Trung lập	22,1	62,5	-3,4	143,9	12,9	-59,9	8,6	21,5	2,3	3,1	29,2	3.246,6	1,6
VHC	HOSE	607	77.500	78.400	1%	Trung lập	46,0	80,0	-24,8	-32,5	16,2	23,3	10,8	8,7	1,8	2,6	-11,9	2.724,4	68,7
PHR	HOSE	293	49.000	51.300	1%	Trung lập	-12,2	85,7	-1,4	-47,0	-0,8	-30,6	14,8	21,3	2,1	5,8	-20,8	1.211,4	33,8
FPT	HOSE	5.305	96.600	99.000	0%	Trung lập	23,4	22,1	20,8	19,3	18,9	25,9	17,3	13,7	5,2	2,0	35,8	7.415,6	0,0
MSH	HOSE	136	40.700	43.000	-1%	Trung lập	16,3	-23,7	-9,7	1,9	13,9	23,5	9,1	7,3	1,9	4,7	9,7	406,3	45,5
PC1	HOSE	333	28.300	29.200	-3%	Trung lập	-15,2	-35,3	7,3	1,6	7,9	27,3	18,7	14,7	1,6	0,0	-18,8	2.997,7	43,1
CTG	HOSE	6.621	31.600	32.650	-3%	Trung lập	21,5	20,0	6,7	16,9	19,1	44,4	9,0	6,2	1,3	0,0	15,6	9.556,0	2,8
HDG	HOSE	393	29.100	30.500	-5%	Trung lập	-3,6	2,2	-16,3	-18,4	13,5	21,6	9,7	8,0	1,7	0,0	-29,4	2.072,3	25,4
NKG	HOSE	235	20.100	21.150	-5%	Trung lập	-18,1	-103,0	-20,8	N/A	10,3	39,0	23,4	16,8	1,0	0,0	-6,2	8.086,8	40,2
NLG	HOSE	636	36.700	39.250	-5%	Giảm	-16,6	-48,1	0,0	-3,8	123,5	70,8	29,3	16,6	1,7	1,3	-5,0	5.431,7	6,4
DRC	HOSE	116	20.300	23.150	-6%	Giảm	11,9	6,1	0,7	-10,2	1,8	15,9	10,6	9,1	1,6	6,0	-16,9	856,8	40,0
STK	HOSE	135	31.700	34.000	-7%	Giảm	3,5	-13,7	-6,9	-34,9	41,4	94,2	18,3	10,5	2,0	0,0	-12,5	109,0	83,7
HAH	HOSE	159	32.300	35.750	-10%	Giảm	63,9	86,1	-19,6	-50,4	-4,6	-69,5	9,9	32,3	1,5	0,0	-19,7	3.421,0	44,2
DPR	HOSE	128	58.000	69.900	-13%	Giảm	0,4	-44,4	-12,9	-21,5	-4,1	-31,0	16,0	23,2	1,3	4,3	-1,3	407,1	-2,5
HSG	HOSE	554	18.100	21.300	-15%	Giảm	2,0	-94,1	-36,1	N/A	6,1	N/A	-35,1	35,8	1,3	0,0	19,1	11.224,6	31,5
HPG	HOSE	7.115	24.600	29.000	-15%	Giảm	-5,5	-75,4	-25,1	-14,3	29,0	93,3	24,7	12,8	1,7	0,0	23,1	29.962,1	23,3
FRT	HOSE	487	66.600	84.800	-21%	Bán	34,1	-12,0	6,9	N/A	21,7	N/A	-55,1	30,3	6,7	0,0	8,2	4.008,1	16,0
PVS	HNX	738	27.800	36.600	-22%	Bán	15,6	28,5	20,2	2,8	14,0	29,2	24,5	19,0	1,4	1,9	34,6	9.376,9	28,3
TCM	HOSE	172	37.700	49.700	-23%	Bán	22,7	96,0	-4,0	-12,3	7,4	16,3	18,5	15,9	2,1	1,0	13,7	1.716,0	1,8
ELC	HOSE	60	16.400	24.300	-31%	Bán	31,0	-34,8	28,2	66,6	2,2	5,6	28,4	26,9	1,6	1,2	82,0	387,5	45,1

Nguồn: CTCK Rồng Việt, Giá tại ngày 6/9/2023

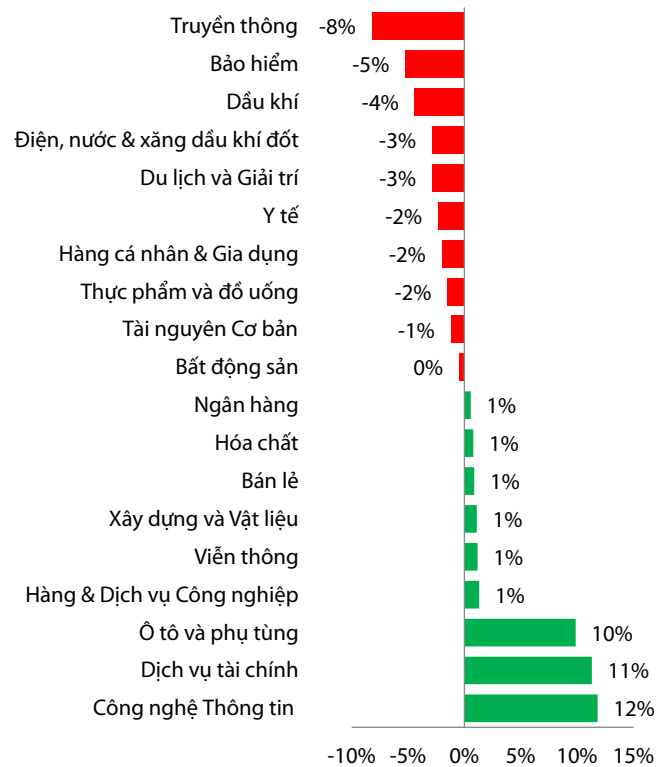
CHỈ SỐ CÁC NHÓM NGÀNH

Biến động nhóm ngành cấp 1



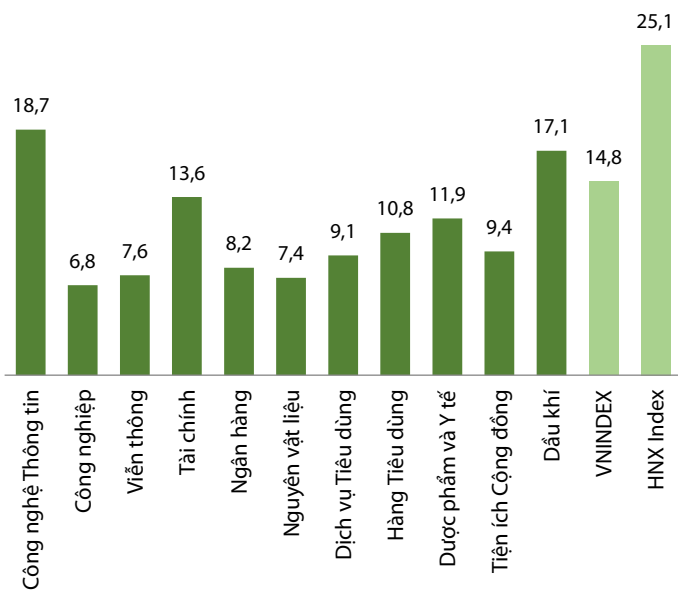
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

Biến động chỉ số nhóm ngành cấp 2



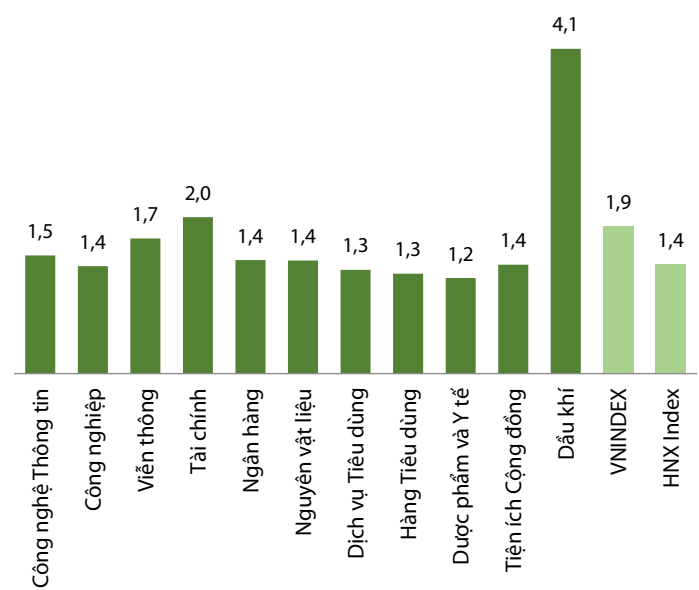
Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

So sánh chỉ số P/E ngành



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt.

So sánh chỉ số P/B ngành



Nguồn: Bloomberg, CTCK Rồng Việt

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Phương Lam
Head of Research
 lam.ntp@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1313)

Trần Hà Xuân Vũ
Senior Manager
 vu.thx@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1512)
 • Dầu khí
 • Phân bón

Đỗ Thanh Tùng
Manager
 tung.dt@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1521)
 • Hàng không
 • Logistics
 • Thị trường

Nguyễn Thị Ngọc An
Senior Analyst
 an.ntn@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1526)
 • Thực phẩm & Đồ uống
 • Ô tô & Phụ tùng

Đỗ Thạch Lam
Senior Analyst
 lam.dt@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1524)
 • Bất động sản

Lê Tự Quốc Hưng
Analyst
 hung.ltq@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1530)
 • Thị trường
 • BĐS Khu công nghiệp

Nguyễn Hồng Loan
Analyst
 loan.nh@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1526)
 • Bán lẻ
 • Thủy sản
 • Thực phẩm & Đồ uống

Nguyễn Đặng Chính
Analyst
 chinh.nd@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1530)
 • Ngân hàng

Cao Ngọc Quân
Analyst
 quan.cn@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (2223)
 • Cảng biển
 • Du lịch

Trịnh Thị Thu Hoài
Analyst
 hoai.ttt@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1530)
 • Dệt may
 • Tiện ích công cộng

Trần Thị Hà My
Senior Consultant
 my.tth@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006
 • Kinh tế vĩ mô

Bernard Lapointe
Senior Consultant
 bernard.lapointe@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006

Trần Thị Ngọc Hà
Assistant
 ha.ttn@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006 (1526)

Bùi Đăng Cát Khánh
Assistant
 khanh.bdc@vdsc.com.vn
 + 84 28 6299 2006

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. CTCK RỒNG VIỆT tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được CTCK RỒNG VIỆT thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của CTCK RỒNG VIỆT. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của CTCK RỒNG VIỆT đều trái luật. Bản quyền thuộc CTCK RỒNG VIỆT, 2023.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - HỘI SỞ

Lầu 1-2-3-4, tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM

T (+84) 28 6299 2006 **E** info@vdsc.com.vn
F (+84) 28 6291 7986 **W** www.vdsc.com.vn

MST 0304734965

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow
02 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội

T (+84) 24 6288 2006
F (+84) 24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ,
TP. Nha Trang, Khánh Hòa

T (+84) 25 8382 0006
F (+84) 25 8382 0008

CHI NHÁNH CẦN THƠ

Tầng 8, Tòa nhà Sacombank
95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ

T (+84) 29 2381 7578
F (+84) 29 2381 8387

CHI NHÁNH VŨNG TÀU

Tầng 2 VCCI Building, số 155 Nguyễn Thái Học,
P.7, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

T (+84) 25 4777 2006

CHI NHÁNH BÌNH DƯƠNG

Tầng 3 Becamex Tower, số 230 Đại lộ Bình Dương,
P. Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

T (+84) 27 4777 2006

CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

Tầng 8 Toà nhà TTC Plaza, số 53-55 Võ Thị Sáu,
P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

T (+84) 25 1777 2006

